

Thông tư liên tịch này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại

Thư trưởng

MAI VĂN DẦU

KT. Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan

Phó Tổng Cục trưởng

ĐẶNG VĂN TẠO

BỘ CÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ số 07/2001/TT-BCN ngày 11/9/2001 hướng dẫn thực hiện một số nội dung kỹ thuật quy định tại Nghị định số 54/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 54/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp;

Bộ Công nghiệp hướng dẫn thực hiện một số nội dung kỹ thuật quy định tại Nghị định số 54/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp (sau đây gọi là Nghị định số 54/CP) như sau:

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật và mục đích sử dụng dây bọc.

a) Dây bọc là dây dẫn điện chuyên dùng cho đường dây trên không, được bọc lớp cách điện phù hợp với cấp điện áp sử dụng. Điện trở cách điện của lớp vỏ bọc không được nhỏ hơn trị số sau:

Điện áp (KV)	Đến 6	10	15	22	35
Điện trở cách điện (MΩ)	6	10	15	22	35

b) Dây bọc được sử dụng nhằm mục đích giảm chiều rộng hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, giảm số lượng cây xanh phải chặt tĩa khi đưa lưới điện cao áp vào sâu trung tâm thành phố, thị trấn, thị xã (sau đây gọi tắt là thành phố).

c) Dây bọc phải được mắc từng pha trên sử cách điện như đôi với dây trần.

d) Dây bọc có thể được sử dụng để đi trên toàn tuyến hoặc kết hợp với dây trần để đi trên một vài khoảng cột cần thiết.

d) Dây bọc được thay khi cách điện của lớp vỏ bọc có hiện tượng lão hóa, không chống được sự cố chạm đất do cây xanh va đập vào dây dẫn.

2. Đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền.

a) Đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 54/CP là tổ chức kinh tế có đủ điều kiện hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Đối với hệ thống điện quốc gia, đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền là các Công ty truyền tải điện, Công ty Điện lực và Điện lực tỉnh được Tổng công ty Điện lực Việt Nam giao nhiệm vụ quản lý vận hành lưới điện trên địa bàn tỉnh, thành phố đó.

- Các tổ chức kinh tế khác có đủ các điều kiện hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật là đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền trong phạm vi lưới điện của mình.

b) Tổ chức có tài sản là công trình đường dây cao áp, trạm biến áp chuyên dùng nhưng không

có Giấy phép hoạt động điện lực có thể ký hợp đồng bao thầu quản lý với tổ chức khác có Giấy phép hoạt động điện lực để quản lý vận hành và giải quyết những vấn đề liên quan đến việc thực hiện Nghị định số 54/CP.

Tổ chức có Giấy phép hoạt động điện lực và được ký hợp đồng bao thầu quản lý là đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền trong phạm vi lưới điện được ủy quyền quản lý.

c) Đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền phải thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về địa chỉ, số điện thoại của các đơn vị cơ sở được ủy quyền giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Nghị định số 54/CP.

3. Hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên không.

Chiều dài hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên không được tính từ điểm mắc dây trên cột xuất tuyến của trạm biến áp này đến điểm mắc dây trên cột néo cuối trước khi vào trạm biến áp kế tiếp. Đoạn đầu tuyến và đoạn cuối tuyến nối từ cột vào giàn thanh cái của trạm biến áp được tính là bộ phận công trình trạm. Tiêu chuẩn an toàn cho các đoạn tuyến này được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 54/CP.

4. Cây trồng trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

a) Lúa và hoa màu được trồng cách mép móng cột điện, móng néo ít nhất là 0,5m. Khoảng cách 0,5m nêu trên được đo sát mặt đất tự nhiên, tính từ mặt ngoài phần bê tông của móng trở ra.

b) Các loại cây trồng khác phải đảm bảo khoảng cách từ điểm cao nhất của cây đến dây dẫn không nhỏ hơn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 54/CP. Những cây có khả năng phát triển nhanh trong thời gian ngắn phải chặt sát gốc và cấm trồng mới là những cây trong một chu kỳ kiểm tra và phát quang hành lang tuyến đã phát triển trở lại, có khả năng gây sự cố

lưới điện. Những cây khác nếu phải chặt ngọn sẽ không còn hiệu quả kinh tế như cau, dừa, cao su... thuộc diện số cây phải chặt sát gốc, cấm trồng mới và được thực hiện đền bù ngay khi xây dựng đường dây cao áp.

Chu kỳ kiểm tra và phát quang hành lang tuyến được quy định là một lần trong một quý. Đơn vị quản lý lưới điện cao áp có trách nhiệm liệt kê bổ sung danh mục các loại cây có khả năng phát triển nhanh trong thời gian ngắn tại địa phương để lập kế hoạch phát quang hành lang tuyến, đảm bảo cho lưới điện vận hành an toàn.

5. Chặt, tỉa cây ngoài hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

a) Cây ở ngoài hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp phải được chặt tỉa theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 54/CP. Riêng đối với cây cao trong thành phố nếu bị đổ có thể va đập vào đường dây, đơn vị quản lý lưới điện cao áp chỉ tổ chức chặt, tỉa cành để đảm bảo khoảng cách theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 54/CP.

b) Đối với những cây có giá trị lịch sử, văn hóa hoặc có giá trị đặc biệt, trước khi chặt tỉa, đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền phải thỏa thuận với cơ quan trực tiếp quản lý cây. Trường hợp không thỏa thuận được với các cơ quan nói trên, đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền làm văn bản gửi Sở Công nghiệp địa phương và cơ quan cấp trên của cơ quan quản lý cây để phối hợp tìm biện pháp xử lý.

c) Đối với đường dây cao áp đang được thi công, chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp được phép phát quang hành lang tuyến, chặt tỉa một số cây không thuộc quy định tại Điều 7 Nghị định số 54/CP để tránh làm tưa, đứt, hư hỏng dây dẫn trong quá trình thi công, đảm bảo điều kiện thi công an toàn nhưng phải báo cho chủ sở hữu cây và phải đền bù cho chủ sở hữu cây theo quy định của Nhà nước.

6. Vật liệu để làm tường bao, mái lợp của nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

a) Tường bao và mái lợp của nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp phải được làm bằng vật liệu không cháy. Vật liệu không cháy là vật liệu dưới tác động của lửa hay nhiệt độ cao không bốc cháy, không âm i và không bị các-bon hóa (ví dụ: gạch, ngói, phi-brô-xi măng, bê-tông, tấm lợp kim loại, kính,...).

b) Các vì kèo đỡ mái nhà, cửa sổ, cửa ra vào không bắt buộc phải sử dụng vật liệu không cháy.

7. Nối đất mái kim loại của nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

Mái lợp của nhà ở, công trình bằng kim loại trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp phải được nối đất để chống hiện tượng cảm ứng điện và tĩnh điện. Việc nối đất được thực hiện như sau: Đóng một cọc tiếp đất bằng thép góc L63 x 63 x 6 dài 2m, cọc ngập sâu dưới đất 1,8m. Nối mái kim loại của nhà với cọc tiếp đất bằng dây dẫn có tiết diện không nhỏ hơn: $\phi 6$ đối với thép tròn; $\phi 4$ đối với dây đồng hoặc 40 x 4 đối với thép dẹt. Dây dẫn tiếp đất được nối với mái nhà bằng phương pháp bắt bu-lon, nối với cọc tiếp đất bằng phương pháp hàn. Trị số điện trở tiếp đất không quy định.

Chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp có trách nhiệm tổ chức thực hiện xong việc nối đất các mái nhà ở, công trình này trước khi đóng điện. Chủ nhà ở, công trình có trách nhiệm quản lý hệ thống nối đất này.

8. Các biện pháp tăng cường an toàn về điện và về xây dựng đối với các khoảng cột vượt qua nhà ở, công trình.

Đường dây cao áp trên không vượt qua nhà ở, công trình phải được tăng cường an toàn về điện và về xây dựng. Các biện pháp này được quy định cụ thể như sau:

a) Tiết diện của dây dẫn điện không được nhỏ hơn quy định tại bảng sau:

Loại dây dẫn điện	Tiết diện tối thiểu (mm ²)
Dây nhôm và dây hợp kim nhôm (A)	70
Dây nhôm lõi thép (AC)	35
Dây đồng (M)	35
Dây chống sét bằng cáp thép (C)	25

b) Hệ số an toàn của dây dẫn điện không được nhỏ hơn 2,5 và được tính theo công thức sau:

$$K_{AT} = \frac{\sigma_{KD}}{\sigma_{CD}} \geq 2,5$$

Trong đó:

- K_{AT} = Hệ số an toàn

- σ_{KD} = Ứng suất kéo đứt dây (Quy phạm Trang bị điện).

- σ_{CD} = Ứng suất căng dây (Số liệu tính toán để căng dây).

c) Dây dẫn và dây chống sét của đường dây cao áp trên không vượt qua nhà ở, công trình nếu có tiết diện nhỏ hơn 240mm² thì không được phép có mối nối. Dây dẫn và dây chống sét có tiết diện từ 240mm² trở lên được phép có không quá một mối nối cho một pha.

d) Sứ cách điện trong khoảng cột vượt nhà ở, công trình:

- Dây dẫn và dây chống sét được mắc trên cách điện kiểu treo (sứ chuỗi) phải dùng khóa đỡ dây kiểu cố định. Khi đường dây làm việc ở chế độ bình thường, hệ số an toàn của sứ chuỗi và phụ kiện mắc dây không được nhỏ hơn 2,7.

- Dây dẫn và dây chống sét được mắc trên cách điện kiểu đứng (sứ kim) phải mắc kép trên 2 sứ cách điện. Hệ số an toàn của sứ, ty sứ, phụ kiện mắc dây khi làm việc ở chế độ bình thường không được nhỏ hơn 3,0.

d) Cột đỡ dây điện vượt qua nhà ở, công trình phải là cột sắt hoặc cột bê tông cốt sắt. Hệ số an toàn của cột, xà, móng cột không được nhỏ hơn 1,5.

e) Để tổ chức, cá nhân có thể cải tạo hoặc xây mới nhà ở, công trình cao đến 8m so với mặt đất tự nhiên, khoảng cách từ điểm thấp nhất của dây dẫn trong điều kiện không có gió đến mặt đất tự nhiên tại khu vực đông dân cư không được nhỏ hơn quy định sau:

Điện áp	Đến 35 KV	66 đến 110 KV	220 KV
Khoảng cách (m)	11	12	13

Khu vực đông dân cư là thành phố, xí nghiệp công nghiệp, xí nghiệp nông nghiệp, nhà ga, bến xe, khu vực xóm làng dân ở tập trung hoặc sẽ phát triển trong thời gian 5 năm tới theo quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

g) Đường dây cao áp vượt qua nhà ở, công trình thì đơn vị quản lý lưới điện cao áp không được phép vận hành đường dây này quá tải quá quy định. Các thiết bị bảo vệ, đóng cắt phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn mới được phép đưa vào vận hành. Lãnh đạo đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền phải tổ chức xem xét và nếu cần phải sửa đổi, bổ sung ngay quy trình điều độ, quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố.

9. Đền bù để di dời nhà ở, công trình ra ngoài hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

Việc đền bù để di dời nhà ở, công trình ra ngoài hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp chỉ được áp dụng đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp, có trước khi xây dựng đường dây điện cao áp và việc di dời đó có lý do chính đáng.

a) Xây dựng hợp pháp là xây dựng không phải trên đất lấn chiếm và chủ sở hữu nhà ở, công trình có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng nhà, đất hoặc Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về đất đai và xây dựng.

b) Lý do chính đáng bao gồm:

- Chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp không đảm bảo được các điều kiện an toàn cho nhà ở, công trình như quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 54/CP.

- Nhà ở, công trình phải phá dỡ một phần để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 54/CP nhưng diện tích còn lại không còn sử dụng được hoặc không đủ để sinh hoạt bình thường theo quy định của địa phương và chủ nhà ở, công trình đó có yêu cầu di dời.

- Kho tàng, công trình có nguy cơ cháy, nổ cao như kho xăng, dầu, kho đạn dược, khu điều chế đóng bình khí cháy, khu vực sản xuất có thải ra chất khí ăn mòn kim loại như khí clo (Cl_2), sunfua (SO_2), hydrosunfua (H_2S).

- Những công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng, thông tin liên lạc, nơi thường xuyên tập trung đông người (nhà hát, bến xe, trường học...). Trường hợp được sự thỏa thuận của cơ quan chủ quản cho phép đường dây cao áp vượt qua các công trình này thì đường dây phải được tăng cường an toàn về điện và về xây dựng theo quy định.

- Tất cả nhà ở, công trình có người thường xuyên sinh hoạt, làm việc nằm trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp 500KV trừ những công trình chuyên ngành phục vụ đường dây đó.

c) Chuồng trại chăn nuôi, nhà vệ sinh, bể nước, giếng nước, đường đi, sân phơi không thuộc đối tượng đền bù để di dời ra ngoài hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp nhưng nếu công trình chính phải di dời thì chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp phải đền bù để di dời các công trình phụ này.

10. Thỏa thuận về việc coi nơi hoặc xây mới nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

a) Cơ quan chức năng chỉ cấp Giấy phép xây

dựng nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp sau khi có sự thống nhất bằng văn bản với đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền.

b) Chủ công trình xây dựng viết bản đề nghị kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ liên quan về nhà, đất, Giấy phép xây dựng gửi cho đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền.

c) Nội dung thỏa thuận giữa đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền với chủ công trình xây dựng sẽ tùy theo từng trường hợp cụ thể nhưng gồm các vấn đề về xác định khoảng cách an toàn theo quy định tại Nghị định số 54/CP, thỏa thuận về thời gian, trách nhiệm, kinh phí để thực hiện các công việc như cắt điện, nâng cao dây, tăng cường an toàn về điện và về xây dựng của tuyến dây, giám sát an toàn về điện trong quá trình thi công công trình.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản đề nghị và hồ sơ có liên quan, đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản cho chủ công trình xây dựng. Trường hợp không thỏa thuận được, đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền phải nêu rõ lý do trong văn bản trả lời.

đ) Trường hợp chủ công trình xây dựng thấy lý do khước từ thỏa thuận của đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền không thỏa đáng thì có thể chuyển đơn đến Sở Công nghiệp địa phương đề nghị can thiệp giải quyết.

11. Khoảng cách từ dây dẫn điện cao áp đến mặt đường bộ tại các khoảng giao chéo.

Khoảng cách theo chiều thẳng đứng từ dây dẫn của đường dây cao áp trên không khi dây ở trạng thái tĩnh đến mặt đường ô tô, mặt ray của đường sắt có trị số quy định sau:

Đặc điểm chỗ giao chéo	Khoảng cách nhỏ nhất (m) khi điện áp của đường dây (KV)			
	Đến 35	66÷110	220	500
Đến mặt đường ô tô	7	7	8	10
Đến mặt ray đường sắt	7,5	7,5	8,5	12

12. Khoảng cách từ dây dẫn điện cao áp đến mặt nước của đường thủy nội địa tại các khoảng giao chéo.

a) Đường thủy nội địa được quy định tại Điều 1 Nghị định số 171/1999/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 07 tháng 12 năm 1999 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường sông.

Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây cao áp trên không với đường thủy nội địa, khoảng cách từ điểm thấp nhất của dây dẫn đến mặt nước cao nhất trung bình hàng năm khi dây ở trạng thái tĩnh bằng chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa cộng với khoảng cách an toàn phóng điện, có trị số quy định sau:

Cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa	Kích thước luồng lạch (m)					Khoảng cách an toàn thẳng đứng từ điểm thấp nhất của dây dẫn đến mặt nước cao nhất trung bình hàng năm (m)			
	Sông thiên nhiên		Kênh đào		Bán kính cong	Đến 35 KV	66 ÷ 110 KV	220 KV	500 KV
	Chiều sâu nước	Chiều rộng đáy	Chiều sâu nước	Chiều rộng đáy					
I	>3,0	>90	>4,0	>50	>700	13,5	14	15	16
II	2÷3	70÷90	3÷4	40÷50	500÷700	12,5	13	14	15
III	1,5÷2	50÷70	2,5÷3	30÷40	300÷500	10,5	11	12	13
IV	1,2÷1,5	30÷50	2÷2,5	20÷30	300÷500	9,5	10	11	12
V	1÷1,2	20÷30	1,2÷2	10÷20	100÷200	9,5	10	11	12
VI	<1	10÷20	<1,2	10	60÷150	9,5	10	11	12

b) Đối với giao thông đường biển có quy định riêng cho từng trường hợp cụ thể. Trường hợp tàu biển hoặc phương tiện vận tải thủy khác có kích thước lớn (quy định tại Điều 22 Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông) hoạt động trên những tuyến đường thủy nội địa có đường dây cao áp giao chéo, ngoài giấy phép hoạt động có thời hạn theo quy định, chủ phương tiện còn phải liên hệ với đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết.

13. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm.

a) Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm được quy định tại Điều 12 Nghị định số 54/CP. Việc đặt cáp ngầm và cột mốc, dấu hiệu được thực hiện theo quy định tại Chương II.3 Quy phạm Trang bị điện số 11TCN-19-84.

b) Không được phép xây dựng nhà ở, công trình trên hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm và tiến hành những công việc có khả năng gây hư hỏng cáp.

c) Khi bắt buộc phải tiến hành các công việc có khả năng ảnh hưởng đến sự vận hành bình thường của đường cáp điện ngầm, đơn vị tiến hành những công việc đó phải có biện pháp đảm bảo an toàn và phải được sự thỏa thuận của đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền.

14. Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện.

Chiều rộng hành lang bảo vệ an toàn trạm điện quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 54/CP chỉ áp dụng cho trạm treo và trạm hở là loại trạm có máy biến áp được đặt ngoài trời.

Quy định này không yêu cầu áp dụng đối với trạm kín là loại trạm có máy biến áp được đặt trong gian phòng chuyên dùng, bố trí bên trong hoặc được xây liền kề với khối nhà xưởng, cơ quan, khách sạn,....

15. Sơn màu và đặt đèn tín hiệu trên cột.

a) Chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp phải

sơn màu báo hiệu trắng - đỏ và đặt đèn tín hiệu tại những vị trí cột có độ cao từ 80m trở lên. Màu báo hiệu trắng - đỏ bắt đầu được sơn từ độ cao 50m trở lên. Từ 50m trở xuống phía dưới được phép sơn chống rỉ bình thường hoặc để nguyên lớp mạ. Đèn tín hiệu được đặt trên đỉnh cột hoặc trên dây dẫn cao nhất.

b) Một số cột có độ cao từ 50m đến 80m nhưng được đặt ở vị trí có độ cao vượt trội so với địa hình xung quanh được sơn màu và đặt đèn tín hiệu theo đề nghị của Bộ Quốc phòng hoặc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

16. Đặt biển báo, dấu hiệu khi đường dây cao áp trên không giao chéo với đường thủy nội địa.

a) Theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 171/1999/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 07 tháng 12 năm 1999 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường sông: "Hệ thống đường thủy nội địa được phân thành 3 cấp: Hệ thống đường thủy nội địa Trung ương; tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng; hệ thống đường thủy nội địa địa phương. Hệ thống đường thủy nội địa chuyên dùng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định và công bố. Hệ thống đường thủy nội địa địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố".

Căn cứ nội dung nêu trên, các kênh, rạch có tàu, thuyền qua lại nhưng không quy định là hệ thống đường thủy nội địa thì không phải đặt biển báo, dấu hiệu ở 2 bên bờ.

b) Khi đường dây cao áp giao chéo với đường thủy nội địa, chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp phải đặt biển báo, dấu hiệu ở hai bên bờ theo mẫu quy định của Bộ Giao thông vận tải.

17. Trách nhiệm của chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp và của đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền.

a) Đối với chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp:

- Trước khi đóng điện nghiệm thu công trình lưới điện cao áp, chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp phải hoàn thành việc di dời hoặc cải tạo nhà ở, công trình, chặt tỉa cây... theo quy định của Nghị định số 54/CP. Những tồn tại hoặc phát sinh mới chưa thể xử lý được phải lập thành biên bản riêng, có sự thỏa thuận của đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền về nội dung, biện pháp, thời gian khắc phục.

- Chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp phải bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến đền bù, di dời, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp cho đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền. Các hồ sơ này phải có xác nhận của Hội đồng đền bù và của người được đền bù.

b) Đối với đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền:

- Những vấn đề tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp do việc chuyển đổi thực hiện Nghị định số 70-HĐBT qua thực hiện Nghị định số 54/CP, nếu trách nhiệm thuộc chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp thì đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền phải thống kê, lập phương án cải tạo, khắc phục và lập kế hoạch tổ chức thực hiện.

- Nếu trách nhiệm thuộc tổ chức, cá nhân khác thì được thống kê riêng và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xử lý theo thẩm quyền.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc mới phát sinh cần phải xử lý, đề nghị gửi văn bản về Bộ Công nghiệp để xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

Thứ trưởng

HOÀNG TRUNG HẢI

THÔNG TƯ số 08/2001/TT-BCN ngày 14/9/2001 sửa đổi một số Danh mục hóa chất xuất khẩu, nhập khẩu thời kỳ 2001 - 2005 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2001/TT-BCN ngày 26/4/2001 của Bộ Công nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Căn cứ khoản 3 Điều 3 Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005;

Để tiện lợi trong việc tra cứu tên gọi và công thức các loại hóa chất, Bộ Công nghiệp hướng dẫn sửa đổi một số Danh mục hóa chất xuất khẩu, nhập khẩu thời kỳ 2001 - 2005 (được xếp theo vần ABC) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2001/TT-BCN ngày 26/4/2001, như sau:

1. Danh mục hóa chất độc hại cấm xuất khẩu, nhập khẩu (Phụ lục số 1/SĐ) thay thế cho Danh mục hóa chất độc hại cấm xuất khẩu, nhập khẩu (Phụ lục số 1);

2. Danh mục hóa chất độc hại và sản phẩm có hóa chất độc hại xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện (Phụ lục số 2/SĐ) thay thế cho Danh mục hóa chất độc hại và sản phẩm có hóa chất độc hại xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện (Phụ lục số 2);

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

Thứ trưởng

NGUYỄN XUÂN THÚY